

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/KDTM – ST

Ngày 15- 11 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng công trình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2016/TLST – KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng thi công công trình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST - KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV.

Địa chỉ: Đường TP, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Người diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Bích L - sinh năm 1983, (có mặt).

Trú tại: Phường ĐĐ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng PT.

Địa chỉ: Phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Th - Giám đốc công ty, (vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: Phường DT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người làm chứng:

3.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần AB, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường ĐK, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Tiến T – Nguyên giám đốc SNV - Trưởng ban QLDACT TTLT tỉnh Lai Châu, (vắng mặt).

3.3. Ông Phạm Ngọc Đ - Giám đốc công ty TNHH xây dựng và thương mại MĐ, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường QT, thành phố LC, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10 tháng 6 năm 2016 và các lời khai tiếp theo tại Tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là Nguyễn Đức T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Triệu Thị Bích L trình bày:**

Ngày 06/10/2013, công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV (gọi tắt Công ty BV) với công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT (gọi tắt Công ty PT) có ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 15/2013/HĐ-XD/PT-BV, về việc: Giao nhận thầu thi công xây dựng gói thầu 09: Phần xây lắp; Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu, theo bản vẽ thiết kế (cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư, hồ sơ dự thầu của công ty PT được Chủ đầu tư chấp thuận đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn (dựa trên hợp đồng số: 09 ngày 26/9/2013, giữa công ty PT và Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu với công ty BV).

- Về nhân sự điều hành, chỉ huy thi công công trình:

Căn cứ vào Hợp đồng số: 15 ở trên, để đảm bảo về vấn đề nhân sự điều hành, chỉ huy công trình, ngày 08/10/2013, công ty BV đã ra Quyết định về việc: Giao nhiệm vụ thực hiện gói thầu thi công xây dựng toàn bộ phần xây lắp – TTLT tỉnh Lai Châu, theo đó công ty đã giao nhiệm vụ cho một số cán bộ thuộc công ty BV thực hiện công việc sau:

- + Ông Vũ Thanh T – Là đội trưởng trực tiếp thực hiện thi công công trình.
- + Ông Tạ Văn Tr – là cán bộ Công ty được giao làm đội phó.
- + Ông Nguyễn Đức C – là cán bộ Công ty được giao làm cán bộ kỹ thuật.

Thực chất những người trên là cán bộ, nhân viên thuộc công ty BV được giao trực tiếp thi công gói thầu công trình theo Hợp đồng số: 15 và được đứng dưới danh nghĩa là Ban chỉ huy Công trình của công ty PT. Vì vậy, công ty PT cũng thống nhất và ra Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy công trường và thành lập tổ nghiệm thu nội bộ - Công trình Trung tâm lưu trữ tỉnh Lai Châu, đối với những nhân sự nêu trên của công ty BV, cùng theo đó dưới danh nghĩa của công ty PT, công ty PT đã giao cho ông Vũ Thanh T là chỉ huy trưởng công trình (tổ trưởng), ông Tạ Văn Tr là Phó chỉ huy trưởng (tổ phó) và ông Nguyễn Đức C là cán bộ kỹ thuật (tổ viên).

- Nội dung hợp đồng số 15 thể hiện:

Công ty BV đồng ý nhận thực hiện việc thi công xây dựng toàn bộ phần xây lắp của gói thầu số 9 - Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận).

Công ty BV được thụ hưởng tất cả các quyền lợi mà bên công ty PT được hưởng từ Chủ đầu tư theo qui định trong hợp đồng chính sau khi trừ đi giá trị giảm thầu (theo phụ lục của hợp đồng số 15/2013/HĐ -XD).

Điều 1.15: Quyền thụ hưởng là: quyền thụ hưởng về kinh tế từ hợp đồng chính trong đó công ty PT (BÊN A) là 17%, công ty BV (BÊN B) được hưởng 83% giá trị của các đợt tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng chính.

Điều 4: Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng: Thời gian thi công xây dựng công trình 18 tháng, kể từ ngày hợp đồng chính có hiệu lực pháp luật.

Điều 5: Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán:

- Tổng giá trị hợp đồng là: 25.955.496.000đồng.

Tạm ứng: Khi được chủ đầu tư tạm ứng, công ty PT ngoài việc được giữ quyền thụ hưởng của mình còn được thu trước một phần giá trị giảm thầu: Tổng giá trị mà công ty PT được giữ là 1.500.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ được công ty PT chuyển cho Công ty BV.

- Thanh toán: Khi được chủ đầu tư thanh toán đợt 1, công ty PT ngoài việc được giữ quyền thụ hưởng của mình thì còn được thu tiếp một phần giá trị giảm thầu: Tổng giá trị mà công ty PT được giữ là: 1.500.000.000đồng, toàn bộ số tiền còn lại công ty PT có trách nhiệm thanh toán hết cho Công ty BV.

- Từ lần thanh toán đợt 2 của chủ đầu tư, giá trị của các bên được hưởng của từng đợt thanh toán được tính như sau:

+ Giá trị (BÊN A) là công ty PT được hưởng = Quyền thụ hưởng BÊN A - Giá trị thu hồi tiền giảm thầu thu trước + Giá trị đối trừ công nợ của bên thứ 3 (nếu có).

+ Giá trị (BÊN B) là công ty BV được hưởng = Giá trị được chủ đầu tư thanh toán - Quyền thụ hưởng của (BÊN A) công ty PT + Giá trị thu hồi tiền giảm thầu thu trước - trừ đi giá trị đối trừ công nợ của bên thứ 3 (nếu có).

Thời hạn thanh toán:

a. Công ty PT thanh toán cho công ty BV trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán tiền về tài khoản cho công ty PT.

b. Công ty PT chậm thanh toán 07 ngày sau thời hạn theo qui định tại điểm a nêu trên thì phải bồi thường cho công ty BV theo lãi suất quá hạn 36,5% / năm, áp dụng từ ngày đầu tiên chậm thanh toán.

Điều 9. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng:

Việc tạm ngừng hoặc chấm dứt hợp đồng này chỉ được thực hiện khi và chỉ khi Chủ đầu tư tạm ngừng hoặc chấm dứt hợp đồng chính. Việc tạm ngừng

và chấm dứt hợp đồng này có hiệu lực và được thực hiện tương ứng với các điều khoản được quy định tại Điều 17 của hợp đồng chính.

* Ngày 02/01/2014, công ty PT, công ty BV và Ngân hàng Thương mại cổ phần AB - Chi nhánh Vĩnh Phúc (VBBANK) cùng ký cam kết giải ngân số: 01/CK –GN dựa trên Hợp đồng số: 15 và Hợp đồng số: 09 của gói thầu số: 09 công trình: TTLT tỉnh Lai Châu, qui định tại Điều 1: Điều kiện giải ngân:

- Biên bản xác nhận khối lượng tiền về giữa hai bên.
- Biên bản đề nghị giải ngân giữa hai bên gửi đến ngân hàng.

Ngân hàng chỉ giải ngân khi đáp ứng đủ điều kiện nêu trên.

** Trong quá trình thực hiện hợp đồng số: 15, Công ty BV đã thực hiện được những công việc sau: Khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán đợt 1 vào ngày 31/12/2013 là: 5.988.210.000đồng.*

Sau đó giữa Công ty BV và Công ty PT có hồ sơ thanh toán đợt 1 được hai bên ký kết ngày 31/12/2014, cụ thể: $5.988.210.000đ \times 83\% = 4.970.214.000$, đồng.

Hai bên thỏa thuận:

- Công ty PT được giữ lại: 1.500.000.000đồng.
- Công ty BV được thanh toán: 3.988.210.000đồng.

Công ty PT mới thanh toán cho Công ty BV 03 lần được tổng số tiền là: **3.418.000.000đồng** cụ thể: Theo 03 giấy báo có của Ngân hàng AB ngày 25/01/2014, với số tiền là 1.300.000.000đồng; ngày 02/4/2014, số tiền là 1.200.000.000đồng và ngày 16/7/2014, số tiền là 918.000.000, đồng.

**Về khối lượng thanh toán đợt 2 đã được Chủ đầu tư thanh toán về Ngân hàng AB, Công ty BV đưa ra những căn cứ như sau:*

- Căn cứ vào hồ sơ thi công, nghiệm thu và hồ sơ thanh toán đợt 2 giữa Chủ đầu tư với công ty PT, trong đó đại diện của Công ty BV có ông Vũ Thanh T là người của công ty BV chịu trách nhiệm chỉ huy trưởng công trường đã thực hiện việc nghiệm thu khối lượng thi công đợt 2 trực tiếp với cán bộ ban quản lý dự án của Chủ đầu tư (Tài liệu chứng minh là: hồ sơ thi công đợt 2, hồ sơ nghiệm thu có chữ ký của ông Vũ Thanh T và các ông trong ban quản lý dự án của Chủ đầu tư là Hoàng Tuấn A và ông Trần Văn T).

- Theo hồ sơ thanh toán khối lượng thi công được nghiệm thu công việc đợt 2 mà công ty BV thực hiện tương ứng với giá trị là: **2.953.743.592đồng** là khối lượng mà công ty BV thực hiện. Sau đó công ty PT ra thông báo, công văn và quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhưng đến thời điểm tháng 10/2014, công ty BV phải rời bỏ công trường. Như vậy trước thời điểm lấy lại công trường thì toàn bộ công trường thi công đều do cán bộ của công ty BV quản lý và tổ chức thi công.

Ngày 14/01/2015, công ty BV có gửi cho Công ty PT công văn số: 1401, về việc thanh toán công nợ, trong công văn nêu rõ công ty BV đã thực hiện công việc được chủ đầu tư nghiệm thu đợt 1 và đợt 2 tổng cộng 8.941.950.000đồng, trong đó giá trị công ty PT được hưởng là: 1.520.131.500đồng, trừ đi số tiền đã trả 3.418.000.000đồng thì công ty PT còn nợ công ty BV là: **4.003.818.500đồng**.

Ngoài ra công ty BV còn cho công ty PT vay số tiền 1.593.000.000đồng, mục đích để công ty PT phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công công trình.

Căn cứ theo Hợp đồng số 15 thì giá trị khối lượng mà Công ty BV được hưởng là: 8.941.958.000đồng x 83% = **7.421.825.140đồng**.

Như vậy công ty BV được hưởng là: 8.941.958.000đồng x 83% = 7.412.825.140đồng, nhưng công ty PT mới thanh toán cho công ty BV được số tiền: 3.418.000.000đồng số tiền còn thiếu chưa thanh toán là 4.003.818.500đồng.

Tại đơn khởi kiện công ty BV yêu cầu công ty PT phải trả cho công ty BV những khoản sau: 4.003.818.500đồng là số tiền còn chưa thanh toán của Hợp đồng thi công số: 15 và 1.593.000.000đồng mà công ty BV cho công ty PT vay để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09). Tổng cộng là **5.596.818.500đồng**.

Ngoài ra công ty BV còn đề nghị Tòa án giải quyết tính lãi của số tiền chậm thanh toán từng khoản theo lãi suất chậm trả là 150% của Ngân hàng Nhà nước qui định. Lý do vi phạm điều khoản thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng theo qui của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 10/4/2018 công ty BV và công ty PT có đơn đề nghị giải ngân gửi đến Ngân hàng Thương mại cổ phần AB – chi nhánh Vĩnh Phúc thống nhất nội dung: Hai bên thống nhất phân chia số tiền: 1.744.667.000đồng được Chủ đầu tư – Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu thanh toán theo Hồ sơ thanh toán (đợt 2) công trình TTLT tỉnh Lai Châu như sau:

+ Số tiền công ty PT được sử dụng là: 500.000.000đồng.

+ Số tiền công ty BV được hưởng là: 1.274.667.000đồng. Ngày 18/4/2018 công ty BV đã nhận được số tiền 1.274.667.000đồng.

Như vậy, công ty PT còn nợ công ty BV số tiền: **2.314.154.000đồng** là số tiền còn chưa thanh toán của Hợp đồng thi công số: 15 và 1.593.000.000đồng mà công ty BV cho công ty PT vay để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09) và yêu cầu phải chịu tiền lãi suất chậm trả là 150% theo mức lãi suất của Ngân hàng do vi phạm điều khoản thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu quy định của pháp luật, phía nguyên đơn thấy rằng: Đối với khoản tiền vay 1.593.000.000đồng mà công ty BV cho công ty PT vay để

phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09, theo nguyên đơn đây là khoản vay riêng không liên quan đến vụ này nên nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Phía nguyên đơn xin được rút yêu cầu đối với khoản tiền trên. Đề nghị Tòa án không xem xét khoản vay trên trong vụ án này.

Nay, công ty BV chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng, buộc công ty PT phải trả cho công ty BV số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng thi công số: 15 là: 2.314.154.000 đồng và yêu cầu công ty PT phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm kể từ ngày 01/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm do vi phạm điều khoản thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm nếu công ty PT vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu công ty PT phải trả lãi theo quy định của pháp luật là 9%/ năm trên số tiền còn nợ.

*** Người đại diện theo pháp luật của công ty PT ông Phạm Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Thắng trình bày:**

Ngày 26/9/2013 công ty PT có ký kết Hợp đồng số: 09/2013/HĐ-XD giữa sở nội vụ Tỉnh Lai Châu và công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng PT (gọi tắt là công ty PT) về việc thi công xây dựng gói thầu số 09 công trình TTLT Tỉnh Lai Châu. Giá trị hợp đồng: 31.271.682.000đồng.

Ngày 06/10/2016 công ty PT ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số: 15/2013/HĐ-XD/PT-BV với công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV (gọi tắt là công ty BV) về việc thi công xây dựng gói thầu số 09 công trình TTLT Tỉnh Lai Châu. Giá trị gói thầu: 25.955.496.000đồng.

Ngày 02/1/2014 công ty PT cùng với công ty BV, ngân hàng AB – chi nhánh Vĩnh Phúc ký cam kết giải ngân số: 01/CK-GN dựa trên Hợp đồng số 15 và hợp đồng số 09 của gói thầu số 09 công trình TTLT tỉnh Lai Châu.

Tại Điều 5, khoản 5.3 về việc thanh toán tạm ứng của Hợp đồng số 15 thì Bên A (Công ty PT) được hưởng trước 3.000.000.000đồng. Từ tạm ứng và các đợt thanh toán.

Ngày 31/12/2013 công ty BV đã thực hiện Hợp đồng số 15 được khối lượng theo Hồ sơ thanh toán đợt 1 giữa công ty BV và công ty PT. Giá trị thanh toán: 4.970.214.000đồng. Do nguồn vốn ngân sách tỉnh Lai Châu năm 2013 không bố trí đủ để thanh toán hết giá trị trên, mặt khác gói thầu vẫn còn dư nên mới chỉ thanh toán: 4.115.000.000đồng về tài khoản công ty PT mở tại Ngân hàng AB ngày 22/1/2014.

Theo cam kết Giải Ngân thì công ty PT và công ty BV đã gửi công văn đề nghị thanh toán tới Ngân hàng AB với giá trị như sau: Công ty PT: 1.500.000.000đồng; Công ty BV: 2.515.000.000đồng. Xong không biết vì lý do gì mà Ngân hàng chỉ chuyển cho Công ty PT 1.500.000.000đồng và công ty BV là 1.300.000.000đồng. Sau đó vừa đến dịp tết nguyên đán nên công ty chúng PT và Công ty BV không tìm hiểu thêm nữa.

Ngày 28/2/2014 công ty BV mới bắt đầu cho một vài người lên công trường (TTLT tỉnh Lai Châu) để dọn dẹp chuẩn bị triển khai tiếp.

Ngày 2/4/2014 Ngân hàng trả nốt số tiền còn lại đã giữ từ ngày 22/1/2014 cho công ty BV. Sau khi nhận được tiền nhưng công ty BV vẫn không triển khai thi công mà từ ngày 28/2/2014 chỉ đưa một vài người và thuê thêm vài nhân công bản địa dọn dẹp cũng như trông coi công trình.

Ngày 18/4/2014 Ban quản lý dự án đã tiến hành kiểm tra công trình và kết luận từ ngày 15/3/2014 đến nay nhà thầu không thi công và không có lý do.

Ngày 25/5/2014 công ty PT gửi thông báo số: 120-TB về việc tạm giữ ký quỹ tiền bảo lãnh do nhà thầu không triển khai thi công và yêu cầu nhà thầu thực hiện theo đúng tiến độ.

Ngày 28/5/2014 các bên tiếp tục kiểm tra lập biên bản hiện trường ghi nhận công ty BV dừng thi công, cùng ngày chủ đầu tư cùng với ban quản lý dự án, công ty PT đã họp về tiến độ.

Ngày 28/5/2014 sau khi họp với chủ đầu tư công ty PT đã ra thông báo số: 126-TB về việc đình chỉ thi công với công ty BV của gói thầu số 09 công trình TTLT tỉnh Lai Châu.

Ngày 2/6/2014 tiếp tục kiểm tra tại công trường về một lần nữa khẳng định công ty BV hoàn toàn không triển khai thi công.

Ngày 03/6/2014 trước tình hình cấp bách của công trường cũng như tình hình tài chính khó khăn của công ty BV, công ty PT đã hỗ trợ cho công ty BV bằng hình thức cấp vật liệu xi măng sắt thép phục vụ thi công (có chứng từ giao nhận hàng).

Ngày 16/7/2014 công ty PT tiếp tục chuyển: 918.000.000đồng cho công ty BV để tạo điều kiện về kinh tế cho công ty BV triển khai tiếp dự án.

Sau khi nhận được vật liệu và được tiền nhưng công ty BV vẫn không triển khai mà còn dùng tiền vào việc khác không đưa vào công trình. Sau đó công ty PT yêu cầu công ty BV phải có bản cam kết về tiến độ gửi đến công ty PT trước ngày 25/7/2014. Xong tới tận ngày 18/8/2014 công ty BV mới ký bản cam kết.

Ngày 05/9/2014 chủ đầu tư, ban quản lý dự án đã đi kiểm tra công trường. Tại công trường đã lập biên bản hiện trường và trong biên bản đã nêu tình hình thi công đã chậm 5 tháng so với tiến độ, thiết bị máy móc, vật tư, nhân công ở tại công trường không đủ để đáp ứng được tiến độ.

Qua rất nhiều đợt kiểm tra của chủ đầu tư và ban quản lý dự án cũng như công ty PT thì khẳng định công ty BV thi công không đủ tài chính, thiết bị máy móc cũng như nhân công để thực hiện dự án.

Theo luật xây dựng quy định nhà thầu không triển khai liên tục trong 15 ngày, không đáp ứng được tiến độ của dự án thì bên giao thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng. Áp vào Hợp đồng số 15 thì Điều 9 của Hợp đồng cũng như Điều 17.2 khoản b, khoản c của Hợp đồng 09.

Vậy công ty PT ra quyết định số: 06 ngày 29/9/2014 chấm dứt hợp đồng với công ty

BV. Trong quyết định tại Điều 3 có nêu “*yêu cầu công ty BV cử cán bộ kỹ thuật để đối chiếu các khối lượng còn lại*” (nếu có) xong công ty BV cũng không cử bất kỳ ai đến.

Ngày 30/9/2014 công ty PT có ra thông báo số: 09 về việc chấm dứt toàn bộ hiệu lực của Hợp đồng số 15 tới Ngân hàng AB bao gồm cả cam kết giải Ngân. Xong không thấy Ngân hàng trả lời bằng bất kỳ văn bản nào. Ngày 10/10/2014 công ty PT ra thông báo số 10 yêu cầu đích danh Giám đốc công ty BV lên tại công trường để đối chiếu công nợ và giải quyết những tồn đọng còn lại tại công trường. Một lần nữa công ty BV lại không hợp tác.

Ngày 10/10/2014 công ty PT có gửi công văn số: 25/CV-CT tới chủ đầu tư về việc xin ký hợp đồng nhà thầu phụ thi công gói thầu số 09 công trình TTLT tỉnh Lai Châu và chủ đầu tư cũng gửi thông báo cho ngân hàng AB bằng công văn số: 1396 ngày 13/10/2014 về việc bổ sung nhà thầu phụ gói thầu 09 công trình TTLT tỉnh Lai Châu và được ngân hàng đồng ý.

Ngày 21/10/2014 chủ đầu tư bằng công văn số: 1439 ngày 21/10/2014 đã chấp thuận ký hợp đồng thầu phụ thi công gói thầu số 09.

Tháng 12/2014 công ty PT đã thay đổi thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, hủy bỏ thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD1336000115 ngày 26/9/2013 của ngân hàng TMCP AB - chi nhánh Vĩnh Phúc thay bằng thư bảo lãnh của ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - chi nhánh Lai Châu. Việc này đã được ngân hàng TMCP AB – chi nhánh Vĩnh Phúc đồng ý thể hiện bằng công văn: 35 ngày 29/12/2014 gửi Sở nội vụ tỉnh Lai Châu.

Ngày 30/12/2014 công ty PT đã lập cam kết mới và được chủ đầu tư chấp thuận. Nội dung của cam kết cho phép nhà thầu thi công, công ty PT chuyển toàn bộ số tiền về tài khoản mở tại ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - chi nhánh Lai Châu. Đồng thời ngày 30/12/2014 chủ đầu tư cũng gửi công văn thông báo số: 1811/SNV-VTLT ngày 30/12/2014 thông báo thay đổi số tài khoản của hợp đồng 09 ngày 26/9/2013 công trình TTLT tỉnh Lai Châu tới các đơn vị có liên quan.

Như vậy kể từ ngày 29/9/2014 công ty BV không còn bất cứ sự việc nào liên quan đến việc thi công công trình TTLT tỉnh Lai Châu của chủ đầu tư (Sở nội vụ). Nên khối lượng thanh toán đợt 2 vào tháng 12/2014 về tài khoản của công ty PT mở tại ngân hàng AB không liên quan đến công ty BV và cam kết giải ngân của ngân hàng AB - chi nhánh Vĩnh Phúc.

Sau đây là khối lượng công nợ giữa công ty PT và công ty BV.

- Khối lượng công ty BV thực hiện được theo thanh toán đợt 1 ngày 31/12/2013 được ký kết giữa công ty BV và công ty PT dựa trên hợp đồng số 15 là: 4.970.214.000đồng.

- Hóa đơn công ty BV đã xuất còn thiếu theo khối lượng thanh toán đợt 1: 4.970.214.000đồng - (2.011.327.000đồng + 2.026.042.000đồng) = 932.845.000 đồng x 10% = 93.284.500đồng.

- Số tiền công ty PT đã chuyển tổng các đợt: 3.418.000.000đồng.

- Số tiền chờ quyết toán là 5% khối lượng đã nghiệm thu là: 4.970.214.000 x 5% = 248.510.700đồng.

- Số tiền bảo hành khối lượng đã nghiệm thu là 5%: $4.970.214.000 \times 5\% = 284.510.000$ đồng.

- Theo hợp đồng số 15 tại Điều khoản 5.3 thì công ty PT được hưởng 3.000.000.000 đồng trước từ tiền tạm ứng và quyền thụ hưởng của các đợt thanh toán.

- Số tiền công ty BV còn phải nộp trả cho công ty PT: $(93.284.500 + 3.418.000.000 \text{ đồng} + 284.510.000 \text{ đồng} + 284.510.000 \text{ đồng} + 3.000.000.000 \text{ đồng}) - 4.970.214.000 \text{ đồng} = 2.110.090.500 \text{ đồng}$.

+ Theo Bộ luật Xây dựng quy định bên vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài chính cũng như uy tín của công ty với chủ đầu tư, vì vậy công ty PT quyết định đưa ra mức phạt 10% giá trị vi phạm, cụ thể: $25.955.496.000 \text{ đồng} - 4.970.214.000 \text{ đồng} = 20.985.282.000 \text{ đồng} \times 10\% = 2.098.528.000 \text{ đồng}$.

Công ty PT đề nghị với quý tòa những nội dung sau:

- Đề nghị tòa án xem xét, giải quyết số tiền: 1.744.667.000 đồng đang bị ngân hàng AB - chi nhánh Vĩnh Phúc tạm giữ trái phép.

- Đề nghị tòa án xem xét giải quyết số tiền công ty BV còn thiếu chưa nộp cho công ty PT là: 2.110.090.500 đồng và số tiền vi phạm hợp đồng của công ty BV là: 2.098.528.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2018 ông Thắng trình bày: Tại bản tự khai năm 2016 và các lần hòa giải tại tòa án năm 2016 ông có đề nghị Tòa án xem xét các nội dung sau: Đề nghị xem xét, giải quyết số tiền: 1.744.667.000 đồng đang bị ngân hàng AB - chi nhánh Vĩnh Phúc tạm giữ trái phép; Đề nghị xem xét giải quyết số tiền công ty BV còn thiếu chưa nộp cho công ty PT là: 2.110.090.500 đồng và số tiền vi phạm hợp đồng của công ty BV là: 2.098.528.000 đồng.

Đến nay số tiền 1.744.667.000 đồng đang bị ngân hàng AB - chi nhánh Vĩnh Phúc tạm giữ đã được giải ngân toàn bộ cho công ty PT và công ty BV vào ngày 18/4/2018 nên công ty PT không đề nghị Tòa án giải quyết số tiền trên.

Còn đối với số tiền công ty BV còn thiếu chưa nộp cho công ty PT là: 2.110.090.500 đồng và số tiền vi phạm hợp đồng của công ty BV là: 2.098.528.000 đồng. Tại biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2018 giữa ba công ty là công ty PT, công ty BV và công ty MĐ đã thống nhất được giá trị hoàn thành khối lượng công việc của đợt 1 và đợt 2. Không có tranh chấp và thắc mắc gì. Ông thấy rằng, mặc dù trước đó công ty BV có vi phạm về tiến độ thi công, vi phạm về thời hạn thi công nhưng sau đó công ty PT được sự đồng ý của chủ đầu tư đã thuê nhà thầu phụ là công ty MĐ để tiếp tục thực hiện thi công công trình nên việc vi phạm về thời hạn như ông đã trình bày trước đây tại biên bản hòa giải và bản tự khai năm 2016 không gây thiệt hại gì cho công ty PT và chủ đầu tư nên công ty BV không phải chịu phạt theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng số: 09.

Hiện tại công ty PT đã được chủ đầu tư thanh toán toàn bộ số tiền thi công theo Hợp đồng số: 09 và Hợp đồng số: 15 vào ngày 23/01/2017. Với yêu cầu khởi kiện của công ty BV ông có ý kiến như sau: Do hiện tại công ty PT đang gặp khó khăn nên công ty xin khất

nợ số tiền còn thiếu. Còn đối với yêu cầu tiền lãi phạt hợp đồng thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần AB trình bày:**

Ngày 02/01/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần AB - Chi nhánh Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là ABBANK) cùng công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT (gọi tắt là công ty PT) và công ty cổ phần đầu tư và phát triển BV (gọi tắt là công ty BV) đã ký cam kết giải ngân số: 01/CKGN về việc cam kết giải ngân thanh toán của gói thầu số: 09: Toàn bộ phần xây lắp công trình: TTLT lĩnh Lai Châu.

Theo đó, ABBANK đã phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: MD 1336000115 ngày 26/12/2013 với nội dung như sau: Giá trị phát hành bảo lãnh: 1.563.584.100 đồng; Thời hạn bảo lãnh: Từ 26/09/2013 – 26/03/2015; Mục đích phát hành: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Để đảm bảo việc quản lý dòng tiền thanh toán từ Chủ đầu tư (Sở nội vụ tỉnh Lai Châu) được phân chia theo đúng thỏa thuận, Nguyên đơn và Bị đơn cùng thống nhất và cam kết với Chủ đầu tư thanh toán giá trị công trình vào tài khoản duy nhất số 0591004099007 của công ty PT mở tại ABBANK (thực hiện theo cam kết giải ngân số: 01/CKGN ngày 02/01/2014 đã ký giữa các bên).

Nay, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đang giải quyết vụ án về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa nguyên đơn là công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV với bị đơn là công ty TNHH Tư vấn xây dựng PT. ABBANK có ý kiến như sau:

Theo Điều 1: Điều kiện giải ngân của Cam kết giải ngân số: 01/CKGN ngày 02/01/2014: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 15/2013/HĐ-XD-PT-BV ngày 06/10/2013 giữa công ty PT và công ty BV (Điều 5 về thanh toán tạm ứng hợp đồng) thì số tiền phong tỏa chỉ có thể được giải tỏa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: Biên bản xác nhận tiền về giữa hai bên; Văn bản đề nghị giải ngân giữa hai bên gửi đến Ngân hàng.

- Tính đến ngày 14/9/2016, số tiền còn tồn tại tài khoản của công ty PT là 1.744.667.000 đồng

Như vậy, Ngân hàng chỉ giải tỏa số tiền đã phong tỏa khi cả công ty BV và công ty PT đều phải đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên.

Theo Điều 2: Các thỏa thuận khác của cam kết giải ngân số 01/CKGN ngày 02/01/2014:

Trong mọi trường hợp, nếu Ngân hàng chưa nhận đủ các văn bản nêu tại Điều 1 thì toàn bộ khối lượng tiền về Ngân hàng sẽ giữ lại. Ngân hàng chỉ giải ngân khi đáp ứng đủ điều kiện nêu trong điều 1.

Mọi thay đổi liên quan đến cam kết phải được sự chấp thuận của hai bên gửi đến Ngân hàng bằng văn bản.

Việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa công ty BV với công ty PT đã gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp với ABBANK.

Kể từ ngày Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD 1336000115 ngày 26/12/2013 hết hạn song các bên được ABBANK bảo lãnh vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình để giải tỏa tài khoản đã phong tỏa gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ABBANK.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo hoạt động kinh doanh. Bằng đơn này, ABBANK kính đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết các yêu cầu như sau:

- Đề nghị công ty BV và công ty PT phải thực hiện các thỏa thuận theo đúng Cam kết giải ngân số: 01/CKGN ngày 02/01/2014 để thực hiện giải tỏa tài khoản đã phong tỏa và hoàn trả lại số tiền mà ABBANK đã phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Ngày 06/6/2024 Ngân hàng ABBANK có trình bày ý kiến:

+ Tài khoản 0591004099007 mang tên công ty TNHH tư vấn xây dựng PT đã được đóng trên hệ thống từ ngày 06/8/2018. Tại thời điểm đóng số dư tài khoản là 0 đồng.

+ Do tài khoản nêu trên không còn số dư nên ABBANK Vĩnh Phúc không đưa ra quan điểm và không cử đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, phía Ngân hàng có giao nộp cho Tòa án các tài liệu gồm: Đề nghị giải ngân số: 03/2018/ĐNGN ngày 10/4/2018 giữa công ty TNHH tư vấn xây dựng PT (người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn Th) và công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển BV (người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Toàn). Hai bên có thống nhất phân chia số tiền: 1.744.667.000đồng được chủ đầu tư Sở nội vụ tỉnh Lai Châu thanh toán theo Hồ sơ thanh toán (đợt 2) công trình TTLT tỉnh Lai Châu như sau: Công ty PT được sử dụng số tiền là 500.000.000đồng; Công ty BV được hưởng số tiền là 1.274.667.000đồng.

Công ty PT tại đây đồng ý chỉ thị và ủy nhiệm cho Ngân hàng AB – Chi nhánh Vĩnh Phúc thực hiện chuyển số tiền trên về tài khoản số: 01010060890999 mở tại Ngân hàng AB – chi nhánh Hà Nội của Công ty BV.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 4 năm 2017 ông Nguyễn Tiến T – Giám đốc Sở nội vụ - Trưởng ban quản lý dự án công trình TTLT tỉnh Lai Châu trình bày:**

Ngày 25/10/2016 Sở nội vụ đã bàn giao tài chính, tài sản Ban quản lý dự án của công trình TTLT tỉnh Lai Châu về ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và các công trình dân dụng và công nghiệp. Việc thanh toán công trình do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tiếp tục thực hiện.

Công trình TTLT thành lập Ban quản lý dự án, (do sở nội vụ thành lập theo Quyết định số: 199/QĐ – SVN ngày 09/7/2013 gồm: Ông Nguyễn Tiến T – Chức vụ: Giám đốc sở Nội vụ - Trưởng ban; ông Nguyễn Quang H – Chức vụ: Chi cục trưởng chi cục VT – LT – thành viên; ông Đỗ Viết Ph – Chức vụ: Chuyên viên – Thành viên; bà Đỗ Thị Hải Y – chức vụ: P. Trưởng phòng quản lý VT – LT – thành viên; ông Đỗ Viết Ph – chức vụ: Chuyên viên: thành viên. Đồng thời thuê Ban quản lý xây dựng các công trình của tỉnh tư

vấn quản lý điều hành.

Trong quá trình thi công nhà thầu thi công (Công ty TNHH Tư vấn xây dựng PT) có vi phạm tiến độ cụ thể: Đơn vị giám sát và chủ đầu tư đã gửi 05 lần công văn yêu cầu nhà thầu đẩy nhanh tiến độ.

Ngày 30/10/2013; ngày 27/02/2014; ngày 01/4/2014; ngày 08/4/2014 và ngày 09/5/2014, đơn vị giám sát gửi Công văn số: 159, 27, 343, 373 và 481 về việc yêu cầu nhà thầu (Công ty PT) đẩy nhanh tiến độ gói thầu số: 09, công trình TTLT tỉnh Lai Châu.

Hồ sơ nghiệm thu công việc đợt 1 vào ngày 31/12/2013, giá trị nghiệm thu đợt 1 là: 5.988.210.000 đồng, đơn vị thực hiện: Công ty PT.

- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu có chấp thuận cho công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng PT ký hợp đồng thầu phụ với Công ty TNHH xây dựng và thương mại MĐ có địa chỉ tại: Số 57, tổ 3, phường QT, thành phố LC, tỉnh Lai Châu theo Văn bản số: 1439/SNV – CCVTLT ngày 21/10/2014 theo đề nghị của công ty PT tại Công văn số: 25/CV – CT ngày 10/10/2014.

Hợp đồng thầu phụ được ký giữa công ty PT với công ty MĐ số: 21/2014/HĐ – TP ngày 21/10/2014, nội dung công việc: Công ty PT giao cho công ty MĐ thực hiện việc thi công xây dựng phần còn lại thuộc hạng mục: Nhà kho 5 tầng (bắt đầu từ $\cos \pm 0.00\text{m}$ trở lên). Thời gian thực hiện từ ngày 21/10/2014.

Sau khi ký hợp đồng thầu phụ thì công ty Minh Đạt thực hiện công việc Nhà kho 5 tầng (bắt đầu từ $\cos \pm 0.00\text{m}$ trở lên). Khối lượng giá trị thành tiền: Theo hợp đồng thầu phụ được ký giữa công ty PT với công ty MĐ là: 13.218.162.000 đồng).

Sở Nội vụ xác định hồ sơ nghiệm thu công việc đợt 2 (nhà kho 5 tầng và nhà làm việc 3 tầng) gồm 02 nhà thầu thi công thực hiện thi công là: Công ty PT và công ty MĐ thực hiện. Tổng giá trị: 4.070.301.647 đồng, trong đó: Công ty PT thực hiện: 2.953.743.592 đồng; công ty MĐ thực hiện: 1.116.558.055 đồng.

- Đối với việc công ty BV cung cấp 02 hồ sơ nghiệm thu khác nhau gồm:

+ Đối với hồ sơ nghiệm thu công việc xây dựng (đợt 2), biên bản nghiệm thu công việc xây dựng nhà kho 5 tầng và nhà làm việc 3 tầng (do công ty BV) cung cấp thể hiện việc ông Vũ Thanh T là kỹ thuật thi công trực tiếp, các ông Trần Văn T, Hoàng Anh Tuấn là đại diện đơn vị điều hành dự án ký cán bộ giám sát).

+ Hồ sơ nghiệm thu công việc xây dựng (đợt 2), biên bản nghiệm thu công việc xây dựng nhà kho 5 tầng và nhà làm việc 3 tầng (do Công ty PT cung cấp thể hiện ông Lê Văn C và ông Phạm Văn D là kỹ thuật thi công trực tiếp, nhà thầu phụ và thi công trực tiếp là ông Phạm Văn D và cùng các ông Trần Văn T, Hoàng Tuấn A là đại diện đơn vị điều hành dự án ký cán bộ giám sát).

Sở nội vụ có ý kiến như sau: Trong giai đoạn Sở nội vụ là chủ đầu tư dự án (trước khi bàn giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và công nghiệp) Sở nội vụ chỉ ký hợp đồng với nhà thầu chính là Công ty PT, sau đó có bổ sung nhà thầu phụ là Công ty MĐ; công ty BV không tham gia thực hiện bất cứ hạng mục gì

của dự án. Sở nội vụ tỉnh Lai Châu chỉ chấp thuận và thanh toán cho nhà thầu khi hồ sơ có đủ điều kiện pháp lý được quy định rõ trong Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2017 ông Hoàng Tuấn A và ông Trần Văn T – cán bộ giám sát – Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Lai châu trình bày:**

Ông Tuấn A và ông Tĩnh đều thừa nhận chữ ký trong hồ sơ nghiệm thu, các biên bản nghiệm thu; chữ ký trong 02 quyển nhật ký thi công đúng là chữ ký của các ông.

Ông Tuấn A và ông Tĩnh đều khai: Chủ đầu tư (Sở nội vụ tỉnh Lai Châu) ký hợp đồng giao nhận thầu thi công gói thầu số: 09, toàn bộ phần xây lắp, công trình TTLT tỉnh Lai Châu với Công ty PT trong hợp đồng và trong quá trình thi công nhà thầu không đề xuất nhà thầu phụ, không có tên công ty BV với chủ đầu tư và đơn vị điều hành dự án, như vậy công ty BV không phải là đơn vị thi công gói thầu trên của công trình.

Ngày 05/10/2013 công ty PT có quyết định thành lập Ban chỉ huy công trường – công trình TTLT tỉnh Lai Châu gửi chủ đầu tư, gồm ông Vũ Thanh T và ông Tạ Văn Tr.

Thời gian từ ngày 05/10/2013 cán bộ kỹ thuật thi công của công ty PT gồm 03 ông là ông Vũ Thanh T, ông Tạ Văn Tr và ông Lê Văn C. Ông C được công ty PT cử là cán bộ kỹ thuật bổ sung có trách nhiệm trực tiếp thi công cùng với ông Tuấn, ông Trọng và ký xác nhận khối lượng thi công trên công trường khi được Công ty PT yêu cầu.

Các nội dung công việc cụ thể:

+ Hạng mục nhà 5 tầng: Phần công việc kỹ thuật do ông Tuấn, ông Trọng thi công theo biên bản nghiệm thu công việc xây dựng từ biên bản số: 01 đến biên bản số: 13. Riêng biên bản nghiệm thu số: 13 phần công việc thi công cốt thép dầm, cốt thép sàn, bê tông sàn cốt 0.00 kỹ thuật Tuấn, Trọng không có mặt để thực hiện thi công.

+ Hạng mục nhà 3 tầng: Phần công việc do kỹ thuật Tuấn, Trọng thi công theo biên bản nghiệm thu công việc xây dựng từ 01 đến số 39. Từ biên bản nghiệm thu số: 40 đến 42 ông Tuấn, ông Trọng không có mặt để thực hiện thi công.

- Lý do các ông ký vào 02 hồ sơ nghiệm thu, các biên bản nghiệm thu khác nhau vì:

+ Hồ sơ (Biên bản nghiệm thu công việc) có chữ ký của ông Vũ Thanh T; ông Tạ Văn Tr là được ký 01 bản tại hiện trường công trường. Do biên bản lập tại hiện trường nên nhà thầu được yêu cầu đi phô tô để các thành viên tổ giám sát lưu nhưng sau đó cán bộ kỹ thuật nhà thầu không nộp lại. Sau đó khi nhà thầu đề nghị thanh toán khối lượng thi công đã hoàn thành, chủ đầu tư yêu cầu công ty PT cử cán bộ kỹ thuật lên công trình để hoàn thiện hồ sơ thì hai đồng chí kỹ thuật (ông Tuấn và ông Trọng) không có mặt và theo đề nghị của công ty PT hồ sơ nghiệm thu phần việc mà kỹ thuật (Tuấn và Trọng) thi công trước đó được ông Công Đ diện ký xác nhận vào hồ sơ nghiệm thu thay cho ông Tuấn, ông Trọng để làm cơ sở thanh toán khối lượng hoàn thành với chủ đầu tư.

- Về việc công ty BV làm những công việc gì, từ khi nào, giá trị là bao nhiêu thì các ông không biết. Các ông chỉ biết làm việc với công ty PT và được thể hiện ở hồ sơ nghiệm thu thanh toán với công ty PT.

*** Tại bản tự khai ngày 15/9/2016 ông Vũ Thanh T – cán bộ kỹ thuật công ty BV trình bày:**

Ông là nhân viên vào làm tại công ty BV từ năm 2011 với chức vụ: Cán bộ kỹ thuật kiêm đội trưởng đội số: 2, Theo Hợp đồng lao động ngày 01/6/2011 với công ty BV.

Ngày 06/10/2013 công ty BV ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 15 về việc giao nhận thầu thi công xây dựng gói thầu số: 09: Phần xây lắp công trình Trung tâm lưu trữ tỉnh Lai Châu với công ty PT. Căn cứ Hợp đồng trên, ngày 08/10/2013 công ty BV đã ra Quyết định về việc: Giao nhiệm vụ thực hiện gói thầu thi công xây dựng toàn bộ phần xây lắp – TTLT tỉnh Lai Châu, theo đó ông và một số anh em thuộc cán bộ công ty BV được giao nhiệm vụ: Ông là đội trưởng trực tiếp thực hiện việc thi công công trình; ông Tạ Văn Tr, cán bộ công ty được giao làm đội phó; ông Nguyễn Đức C, cán bộ công ty được giao làm cán bộ kỹ thuật. Nhiệm vụ của các ông: Thực chất vẫn là người của công ty BV nhưng được trực tiếp thi công gói thầu công trình theo Hợp đồng số: 15 và dưới danh nghĩa là Ban chỉ huy công trình của công ty PT.

Căn cứ vào Hợp đồng số: 15 và căn cứ vào Quyết định giao nhiệm vụ vào ngày 08/10/2013 công ty PT đã ra Quyết định về việc thành lập tổ nghiệm thu nội bộ - Công trình TTLT tỉnh Lai Châu, theo đó dưới danh nghĩa của công ty PT, công ty PT đã giao cho ông là chỉ huy công trình (tổ trưởng), ông Tạ Văn Tr là phó chỉ huy trưởng (tổ phó) và ông Nguyễn Đức C là cán bộ kỹ thuật (tổ viên).

- Về quá trình thi công công trình ông xin trình bày như sau:

Ông là chỉ huy trưởng đã trực tiếp thi công công trình trên từ giai đoạn khởi công khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10/2013 cho đến khoảng tháng 9 năm 2014. Trong quá trình ông thi công, Ban quản lý xây dựng công trình tỉnh đã cử hai ông: ông Hoàng Tuấn A và ông Trần Văn T là đại diện giám sát công trình.

Công việc chính của ông:

+ Chỉ huy thi công công trình, thay mặt cho Công ty BV (trên danh nghĩa là công ty PT) để làm việc với tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát để thực hiện nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán Gói thầu.

+ Đại diện cho Công ty thực hiện việc ký hợp đồng tuyển dụng lao động.

+ Tổ chức quản lý cán bộ, công nhân, vật tư thiết bị, công cụ dụng cụ trong suốt quá trình triển khai gói thầu.

Quá trình triển khai thi công và nghiệm thu khối lượng thi công Gói thầu tới thời điểm tháng 9/2014 ông đã trực tiếp nghiệm thu công việc cùng với Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn giám sát để làm cơ sở thanh toán giá trị khối lượng thi công hoàn thành. Cụ thể, ông đã cùng đại diện Ban quản lý xây dựng là ông Hoàng Tuấn A và ông Trần Văn T trực tiếp làm nghiệm thu công trình và cùng nhau ký xác nhận vào các hồ sơ thanh toán và các biên bản nghiệm thu sau:

+ Đợt 1: Ông đã lập hồ sơ thanh toán đợt 1 và ký xác nhận vào biên bản nghiệm

thu đợt 1 ngày 31/12/2014.

+ Đợt 2: Ông và đại diện Ban quản lý xây dựng là ông Hoàng Tuấn A và ông Trần Văn T trực tiếp làm nghiệm thu công trình và cùng ký xác nhận.

Hồ sơ nghiệm thu công trình đợt 2 làm nhà 3 tầng từ biên bản nghiệm thu số: 22 đến biên bản nghiệm thu số: 39.

Ông khẳng định đã ký vào các biên bản, hồ sơ trên. Ông đã được xem các biên bản nghiệm thu do công ty BV cung cấp tại Tòa án và ông khẳng định chữ ký trong các biên bản nghiệm thu và hồ sơ thanh toán đúng là do ông ký. Các công việc mà ông thực hiện và các hồ sơ, giấy tờ mà ông ký là do sự phân công nhiệm vụ từ công ty BV.

*** Tại bản tự khai ngày 23/3/2018 ông Phạm Ngọc Đ là giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại MĐ trình bày:**

Theo ông được biết công ty BV là bên ký hợp đồng với Nhà thầu chính là công ty PT để nhận thầu thi công T bộ các hạng mục khối lượng công việc thuộc phạm vi của Hợp đồng số: 09/2013/HĐ – XL về việc giao nhận thầu thi công xây dựng gói thầu số: 09: Toàn phần xây lắp – Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu (chủ đầu tư là Sở nội vụ tỉnh Lai Châu).

Quá trình thi công, công ty BV đã thực hiện được những công việc sau: Khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán đợt 1 vào ngày 31/12/2013 là: 5.988.210.000đồng. Công ty MĐ không liên quan và không tranh chấp gì về khối lượng này.

Sau đó tiến độ công trình có bị chậm, đến tháng 10/2014 công ty MĐ được Chủ đầu tư là Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu chấp thuận vào thi công phần khối lượng công việc còn lại của hạng mục Nhà kho 3 tầng từ thời điểm tháng 10/2014 theo Hợp đồng thầu phụ số: 25 ngày 22/10/2014; công ty MĐ cũng là bên nhận lại việc thi công những phần việc còn lại của Gói thầu sau khi nhà thầu chính chấm dứt Hợp đồng với công ty BV cũng vào thời điểm tháng 10/2014.

Đến thời điểm tháng 12/2014 Chủ đầu tư tổ chức xác nhận khối lượng hoàn thành để thanh toán đợt 2 với giá trị là: 4.070.000.000 đồng trong đó: Công ty BV (do ông Vũ Thanh T là chỉ huy trưởng công trường thực hiện) được xác nhận thực hiện 2.953.743.592 đồng và công ty MĐ thực hiện: 1.116.558.055 đồng. Khối lượng mà Công ty BV thực hiện được xác nhận với số tiền 2.953.743.592 đồng, trong đó Công ty MĐ thực hiện có chồng chéo với số tiền là: 353.000.000 đồng và giá trị vật liệu xây dựng do công ty MĐ cung cấp là 147.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Như vậy, công ty BV chỉ thực hiện khối lượng có giá trị là: 2.953.743.592 đồng – 500.000.000 đồng = 2.453.743.592 đồng.

Tuy nhiên, công ty MĐ cũng nắm bắt được là công ty BV và công ty PT đều nộp hồ sơ nghiệm thu và biên bản nghiệm thu thể hiện chữ ký của kỹ thuật thi công lại khác nhau cụ thể:

+ Đối với hồ sơ nghiệm thu công việc xây dựng (đợt 2), biên bản nghiệm thu công

việc xây dựng nhà kho 5 tầng và nhà làm việc 3 tầng (do công ty BV) cung cấp thể hiện việc ông Vũ Thanh T là kỹ thuật thi công trực tiếp, các ông Trần Văn T, Hoàng Anh Tuấn là đại diện đơn vị điều hành dự án ký cán bộ giám sát).

+ Hồ sơ nghiệm thu công việc xây dựng (đợt 2), biên bản nghiệm thu công việc xây dựng nhà kho 5 tầng và nhà làm việc 3 tầng (do Công ty PT cung cấp thể hiện ông Lê Văn C và ông Phạm Văn D là kỹ thuật thi công trực tiếp, nhà thầu phụ và thi công trực tiếp là ông Phạm Văn D và cùng các ông Trần Văn T, Hoàng Anh Tuấn là đại diện đơn vị điều hành dự án ký cán bộ giám sát).

Đến nay, giữa ba công ty: Công ty BV; công ty PT và công ty MĐ đã có biên bản thỏa thuận về khối lượng thi công đợt 2, giá trị thực hiện của từng Công ty như đã trình bày ở trên: Tổng khối lượng được thanh toán đợt 2 là: 4.070.000.000 đồng trong đó: Công ty BV thực hiện 2.453.743.592 đồng và Công ty MĐ thực hiện: 1.616.558.055 đồng

Công ty MĐ xin trình bày nội dung trên để Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Tại biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2018 được lập tại công ty BV giữa 03 công ty: Công ty BV; công ty PT và công ty MĐ có tiến hành đối chiếu với hồ sơ nghiệm thu và đi đến thống nhất như sau:**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số: 15, Công ty BV đã thực hiện những công việc như sau:

+ Khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán đợt 1 vào ngày 31/12/2013 là: 5.988.210.000đồng. Khối lượng thanh toán đợt 1 là do công ty BV thực hiện, công ty PT và công ty MĐ đều xác nhận và không có tranh chấp gì.

+ Khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư thanh toán đợt 2 vào tháng 12/2014 là: 4.070.000.000đồng trong đó: Công ty BV thực hiện 2.953.743.592 đồng và công ty MĐ thực hiện: 1.116.558.055đồng. Tuy nhiên, trong phần khối lượng mà công ty BV thực hiện với số tiền là 2.953.743.592đồng có một phần chồng lấn với công ty MĐ thực hiện với giá trị khối lượng là 353.000.000đồng và giá trị vật liệu xây dựng do công ty MĐ cung cấp cho công ty BV là 147.000.000đồng, tổng cộng là 500.000.000đồng. Như vậy, công ty BV chỉ thực hiện khối lượng có giá trị là: 2.953.743.592đồng – 500.000.000đồng = 2.453.743.592đồng.

Như vậy, công ty BV thực hiện khối lượng đợt 2 có giá trị là: 2.453.743.592 đồng. Công ty MĐ thực hiện khối lượng đợt 2 có giá trị là: 1.116.558.055đồng + 500.000.000đồng = 1.616.558.055đồng

Vậy ba công ty xác nhận và thỏa thuận như trên để làm căn cứ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực

hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 4 Luật thương mại năm 2005; Điều 389, Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết khoản tiền vay 1.593.000.000đồng mà công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV cho công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT vay để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09 ngày 26 tháng 9 năm 2013.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV đối với bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT về việc tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng công trình.

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT phải có nghĩa vụ trả cho công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV số tiền thi công còn nợ là 2.314.154.000đồng và số tiền lãi là 1.362.458.000đồng. Tổng cộng là 3.676.612.000đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV có đơn đề nghị thi hành án mà công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT chưa trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 9%/năm trên số tiền chậm trả.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn và xây dựng PT có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; đến nay công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Hiện tại người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Văn Th có hộ khẩu thường trú tại: phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xác định tư cách tố tụng của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định Ngân hàng TMCP AB (ABBANK) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do ngày 02/01/2014. Do Ngân hàng TMCP AB - Chi nhánh Vĩnh Phúc cùng Công ty TNHH tư vấn xây dựng PT và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển BV đã ký cam kết giải ngân số: 01/CKGN về việc cam kết giải ngân thanh toán của gói thầu số: 09: Toàn bộ phần xây lắp công trình: TTLT lĩnh Lai Châu.

Toàn bộ số tiền 1.744.667.000 đồng tạm giữ trong tài khoản của công ty PT mở tại Ngân hàng ABBANK đã được giải ngân theo đề nghị giải ngân số: 03/2018/ĐNGN ngày 10/4/2018 giữa công ty PT và công ty BV.

Ngày 06/6/2024 Ngân hàng ABBANK trình bày ý kiến do tài khoản của công ty PT mở tại Ngân hàng không còn số dư nên ABBANK Vĩnh Phúc không đưa ra quan điểm và không cử đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại việc Tòa án giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng ABBANK nên không đưa Ngân hàng ABBANK vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng giữa các bên xác lập vào thời điểm năm 2013 nên pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 02 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Hợp đồng thi công công xây dựng công trình số: 15/2013/HĐ – XD/PT – BV giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV được ký vào ngày 06/10/2013. Đến ngày 20/01/2015 Công ty PT gửi Công văn số 15 về việc Quyết toán và thanh lý Hợp đồng số: 15 ngày 06/10/2013. Do các bên phát sinh tranh chấp nên ngày 16/5/2016 Công ty BV gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Do vậy, Hợp đồng trên còn trong thời hạn khởi kiện.

[5] Về nội dung của vụ án:

Ngày 06/10/2013, công ty BV và công ty PT ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 15/2013/HĐ-XD/PT-BV, về việc: Giao nhận thầu thi công xây dựng gói thầu 09: Phần xây lắp; Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu.

Theo Hợp đồng số: 15 thì công ty PT là Bên A (Bên giao thầu), còn công ty BV là Bên B (Bên nhận thầu); chủ đầu tư là Sở nội vụ tỉnh Lai Châu.

Các điều khoản trong hợp đồng trên hai bên đã thống nhất gồm:

- Nội dung của hợp đồng (Điều 3).

Bên A và Bên B đồng ý nhận thực hiện việc thi công xây dựng toàn bộ phần xây lắp của gói thầu số: 09 – Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ dự thầu của Bên A được chủ đầu tư chấp thuận bảo đảm chất lượng và thanh toán của hợp đồng này.

Bên B được thụ hưởng tất cả các quyền lợi mà Bên A được hưởng từ Chủ đầu tư theo quy định trong Hợp đồng chính sau khi trừ đi Giá trị giảm thầu, việc thanh toán để đảm bảo quyền thụ hưởng của các bên được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

- Thời hạn và tiến độ thực hiện Hợp đồng (Điều 4): Thời gian thi công xây dựng Công trình là 18 tháng kể từ ngày Hợp đồng chính có hiệu lực.

- Giá Hợp đồng, tạm ứng, thanh toán (Điều 5):

Mục 5.1 Giá trị của Hợp đồng là: 25.955.496.000 đồng.

Giá Hợp đồng trên bằng 83% giá trị của Hợp đồng chính số: 09 ngày 26 tháng 9 năm 2013 (Hợp đồng số: 09 (Hợp đồng chính) có giá là 31.271.682.000đồng), là giá trị đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện nghĩa vụ của Bên B (công ty BV) theo hợp đồng, đến lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Mục 5.2: Tạm ứng: Khi được Chủ đầu tư tạm ứng, Bên A (công ty PT) ngoài việc được giữ lại quyền thụ hưởng của mình thì còn được thu trước một phần Giá trị giảm thầu; tổng giá trị mà Bên A được giữ là 1.500.000.000đồng, toàn bộ số tiền còn lại sẽ được Bên A chuyển cho bên B thi công công trình.

Mục 5.3: Thanh toán: Khi được Chủ đầu tư thanh toán đợt 1, Bên A ngoài việc được giữ quyền thụ hưởng của mình thì còn được thu tiếp một phần giá trị giảm thầu; tổng giá trị mà Bên A được giữ là 1.500.000.000đồng, toàn bộ số tiền còn lại Bên A có trách nhiệm thanh toán hết cho Bên B.

Nguyên tắc hoàn trả tiền giảm thầu thu trước: Giá trị giảm thầu thu trước sẽ được hoàn trả dần cho Bên B để đảm bảo khi được chủ đầu tư thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng thì hai bên được thu số tiền đúng bằng Quyền thụ hưởng đã được các bên thống nhất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số: 15, công ty BV đã thực hiện được những công việc sau:

- Khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán đợt 1 vào ngày 31/12/2013 là: 5.988.210.000đồng. Sau đó giữa công ty BV và công ty PT có hồ sơ thanh toán đợt 1 được hai bên ký kết ngày 31/12/2014, cụ thể: $5.988.210.000\text{đồng} \times 83\% = 4.970.214.000\text{đồng}$.

Hai bên thỏa thuận: Công ty PT được giữ lại: 1.500.000.000đồng; Công ty BV được thanh toán: 3.988.210.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án công ty PT và công ty BV đều xác nhận mới thanh toán cho công ty BV khối lượng hoàn thành đợt 1 được 03 lần với tổng số tiền là: **3.418.000.000đồng**, cụ thể: Theo 03 giấy báo có của Ngân hàng ABBANK ngày 25/01/2014 số tiền là 1.300.000.000đồng; ngày 02/4/2014 số tiền là 1.200.000.000đồng và ngày 16/7/2014 số tiền là 918.000.000đồng.

- Khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư nghiệm thu đợt 2 và được các bên thống nhất tại biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2018 được lập tại công ty BV giữa 03 công ty: Công ty BV; công ty PT và công ty MĐ cụ thể:

+ Công ty BV thực hiện khối lượng đợt 2 có giá trị là: 2.453.743.592 đồng.

+ Công ty MĐ thực hiện khối lượng đợt 2 có giá trị là: 1.616.558.055 đồng.

Như vậy, tổng khối lượng 02 đợt công ty BV thực hiện có giá trị là: Đợt 1: 5.988.210.000đồng; Đợt 2: 2.453.743.592đồng. Tổng cộng là: 8.441.593.529đồng. Theo thỏa thuận của Hợp đồng số: 15 thì công ty BV chỉ được thanh toán 83% giá trị thanh toán cụ thể: $8.441.593.529\text{đồng} \times 83\% = 7.006.821.429\text{đồng}$ (làm tròn thành 7.006.821.429 đồng). Đến nay, công ty PT đã thanh toán cho công ty BV được tổng cộng số tiền là: **4.692.667.000đồng** cụ thể: Ngày 25/01/2014 số tiền 1.300.000.000đồng; ngày 02/4/2014, số tiền là 1.200.000.000đồng; ngày 16/7/2014, số tiền là 918.000.000đồng và ngày 18/4/2018 số tiền là 1.274.667.000đồng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và các lần hòa giải từ trước thời điểm ngày 14/9/2016 người đại diện theo pháp luật của công ty PT đề nghị các nội dung gồm: Đề nghị tòa án xem xét, giải quyết số tiền: 1.744.667.000đồng đang bị ngân hàng AB - chi nhánh Vĩnh Phúc tạm giữ trái phép; Đề nghị tòa án xem xét giải quyết số tiền công ty BV còn thiếu chưa nộp cho công ty PT là: 2.110.090.500đồng và số tiền vi phạm hợp đồng của công ty BV là: 2.098.528.000đồng, thấy rằng:

Đối với số tiền 1.744.667.000đồng có trong tài khoản của công ty PT mở tại Ngân hàng ABBANK – chi nhánh Vĩnh Phúc, số tiền trên đã được giải ngân vào ngày 18/4/2018 theo đề nghị giải ngân số: 03/2018 ngày 10/4/2018. Các bên đương sự đều thừa nhận nội dung trên và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với đề nghị của công ty PT về khoản tiền công ty BV còn thiếu chưa nộp cho công ty PT là: 2.110.090.500đồng và số tiền vi phạm hợp đồng của công ty BV là: 2.098.528.000đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2018 ông Thắng trình bày: "...việc công ty BV trước đó có vi phạm về tiến độ thi công, vi phạm về

thời hạn thi công nhưng sau đó công ty PT được sự đồng ý của Chủ đầu tư đã thuê nhà thầu phụ là công ty MĐ, để tiếp tục thực hiện thi công công trình nên việc vi phạm về thời hạn như tôi đã trình bày trước đây tại biên bản hòa giải và bản tự khai năm 2016 không gây thiệt hại gì cho công ty PT và chủ đầu tư nên công ty BV không phải chịu phạt theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng số: 09. Hiện tại công ty PT đã được chủ đầu tư thanh toán toàn bộ số tiền thi công theo Hợp đồng số: 09 và Hợp đồng số: 15 vào ngày 23/01/2017. Với yêu cầu khởi kiện của công ty BV tôi có ý kiến như sau: Do hiện tại công ty chúng tôi đang gặp khó khăn nên công ty xin khất nợ số tiền còn thiếu. Còn đối với yêu cầu tiền lãi phạt hợp đồng thì chúng tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật”. Từ đó có thể khẳng định toàn bộ gói thầu số: 09: Phần xây lắp Công trình: TTLT tỉnh Lai Châu đã được hoàn thành toàn bộ; trong thời gian công ty BV thực hiện việc thi công công trình đợt 1 và đợt 2 không có việc phạt vi phạm theo quy định tại điểm 21.2, Điều 21 của Hợp đồng số: 09 ngày 26/9/2013. Do bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với số tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về khoản tiền vay 1.593.000.000đồng mà công ty BV cho công ty PT vay để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty PT phải trả cho nguyên đơn số tiền trên. Đến nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng đây là khoản vay riêng không liên quan đến vụ này nên phía nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền trên. Nguyên đơn sẽ thực hiện khởi kiện bằng vụ án khác. Xét việc rút yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền trên của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty BV yêu cầu công ty PT phải thanh toán số tiền còn thiếu là 2.314.154.000đồng và yêu cầu phải chịu tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 9%/ năm kể từ ngày 01/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2024 là 06 năm 06 tháng 15 ngày với số tiền lãi là: 2.314.154.000đồng x 9%/năm x 06 năm 06 tháng 15 ngày = 1.362.458.160đồng (làm tròn 1.362.458.000đồng do vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- **Đối với yêu cầu đòi số tiền còn thiếu là: 2.314.154.000 đồng thấy rằng:** Trong quá trình thực hiện hợp đồng số: 15 ngày 06/10/2013 thì công ty BV đã thực hiện được khối lượng công việc có trị giá là 8.441.593.529đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì công ty BV chỉ được thanh toán 83% giá trị thanh toán cụ thể: 8.411.593.529đồng x 83% = 7.006.821.429đồng.

Theo quy định tại mục 5.2 và mục 5.3 của Điều 5 Hợp đồng số 15 quy định: *“Khi được Chủ đầu tư tạm ứng, Bên A ngoài việc được giữ lại quyền thụ hưởng của mình thì còn được thu trước một phần Giá trị giảm thầu; tổng giá trị mà Bên A được giữ là 1.500.000.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại sẽ được Bên A chuyển cho bên B thi công công trình.*

Khi được Chủ đầu tư thanh toán đợt 1, Bên A ngoài việc được giữ quyền thụ hưởng của mình thì còn được thu tiếp một phần giá trị giảm thầu; tổng giá trị mà Bên A được giữ là 1.500.000.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại Bên A có trách nhiệm thanh toán hết cho Bên B”.

Theo quy định trên thì bên A (công ty PT) được giữ lại tổng số tiền 3.000.000.000đồng.

Tuy nhiên, tại mục 5.3 và mục 5.5 của Điều 5 Hợp đồng số 15 quy định:

Mục 5.3: Nguyên tắc hoàn trả tiền giảm thầu thu trước: *“Giá trị giảm thầu thu trước sẽ được hoàn trả dần cho bên B để đảm bảo khi được Chủ đầu tư thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng thì hai bên được thu số tiền đúng bằng Quyền thụ hưởng đã được các bên thống nhất”.*

Mục 5.5: Thanh toán tiền bị giữ lại: *“Bên A sẽ thanh toán toàn bộ tiền bị giữ lại cho bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A được thanh toán số tiền bị giữ lại đó từ Chủ đầu tư theo Hợp đồng chính”.*

Theo tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì TTLT tỉnh Lai Châu theo gói thầu số: 09 đã được hoàn thành và được các bên chủ đầu tư là TTLT tỉnh Lai Châu; nhà thầu chính công ty PT và nhà thầu phụ công ty MĐ đã ký hợp đồng nghiệm thu vào ngày 31/12/2016. Gói thầu trên được thanh toán thành 10 đợt. Tổng giá trị Hợp đồng chủ đầu tư thanh toán cho công ty PT và nhà thầu phụ công ty MĐ 31.878.662.890đồng, trong đó thanh toán cho công ty PT số tiền 18.558.153.682đồng; thanh toán cho công ty MĐ (nhà thầu phụ) là 13.320.509.208đồng. Tổng số tiền theo nghiệm thu của gói thầu đã được chủ đầu tư thanh toán toàn bộ cho bên nhận thầu vào ngày 23/01/2017.

Như vậy, công ty PT đã được chủ đầu tư thanh toán toàn bộ giá trị của gói thầu số: 15 nên công ty PT phải có nghĩa vụ thanh toán tiền giảm thầu 3.000.000.000đồng cho Công ty BV theo quy định tại mục 5.3 và mục 5.5 của Điều 5 Hợp đồng số 15.

Tổng khối lượng 02 đợt Công ty BV làm có giá trị là 7.006.821.429 đồng. Do công ty PT đã thanh toán cho công ty BV tổng số tiền: **4.692.667.000đồng** nên công ty PT còn nợ công ty BV số tiền là 7.006.821.000đồng – 4.692.667.000đồng = **2.314.154.000 đồng**.

- ***Đối với yêu cầu tính lãi của công ty BV thấy rằng:*** Theo quy định tại mục 5.4 của Điều 5 Hợp đồng số 15 quy định:

“a. Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán tiền về tài khoản cho bên A.

b) Bên A chậm thanh toán 07 ngày sau thời hạn theo quy định tại điểm a nêu trên thì phải bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn 36,5%/ năm áp dụng từ ngày đầu tiên chậm thanh toán”.

Trên thực tế thì công ty PT đã được chủ đầu tư là TTLT tỉnh Lai Châu thanh toán toàn bộ giá trị của Hợp đồng kể từ ngày 23/01/2017 nhưng công ty PT không

thanh toán cho công ty BV giá trị khối lượng công ty BV đã làm theo khối lượng hai bên đã thống nhất. Công ty BV yêu cầu công ty PT phải trả lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 ngày cuối cùng Công ty PT thanh toán cho công ty BV ngày 18/4/2018 (Ngày cuối cùng Công ty BV nhận được số tiền 1.274.667.000đồng do công ty PT từ tài khoản của công ty PT mở tại Ngân hàng TMCP AB – chi nhánh Vĩnh Phúc) là hết 10 ngày kể từ ngày thanh toán cuối cùng. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn công ty PT đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với yêu cầu tính lãi phạt Hợp đồng của nguyên đơn công ty BV.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Bên A (công ty PT) chậm thanh toán 07 ngày sau thời hạn chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán về tài khoản của bên A, thì bên A phải bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn 36,5%/ năm áp dụng từ ngày đầu tiên chậm thanh toán. Tại thời điểm từ ngày 01/5/2018 thì lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng gồm: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 12,75%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 10,5%/ năm; Ngân hàng cổ phần công thương Việt Nam là 14,25%/năm. Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là: $(12,75\% + 10,5\% + 14,25\%) : 3 = 12,5\%$ /năm. Việc yêu cầu tính lãi trên của công ty BV tại thời điểm chậm thanh toán là 9%/ năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi sau ngày xét xử: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, công ty BV có đơn đề nghị thi hành án mà công ty PT không trả được cho công ty BV số tiền còn nợ trên thì công ty PT phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9%/năm trên tổng số tiền chưa trả. Thấy rằng, yêu cầu trên của công ty BV phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn công ty PT phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty BV được Tòa án chấp nhận là: 2.314.154.000đồng + 1.362.458.000đồng = 3.676.612.000đồng = 72.000.000đồng + (1.676.612.000đồng x 2% = 33.532.240đồng (làm tròn 33.532.000đồng)) = 105.532.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4 Luật thương mại năm 2005; Điều 389, Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản

2 Điều 244, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết khoản tiền vay 1.593.000.000đồng mà công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV cho công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT vay để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 09 ngày 26 tháng 9 năm 2013.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV đối với bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT về việc tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng công trình.

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT phải có nghĩa vụ trả cho công ty cổ phần xây dựng và phát triển BV số tiền thi công còn nợ là 2.314.154.000đồng và số tiền lãi là 1.362.458.000đồng. Tổng cộng là 3.676.612.000đồng (Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV có đơn đề nghị thi hành án mà công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT chưa trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 9%/năm trên số tiền chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng PT phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 105.532.000đồng.

Trả lại cho công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển BV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.250.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2014/0003708 ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Bình Nguyễn Thị Thanh Mai

Nguyễn Thị Trang Nhung

